TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **52**/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 22/07/2024
V/v:" Tranh chấp ly hôn"giữa
Chị Hán Thị Mai H, anh Phạm Quốc D

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Ông Quách Mạnh Thành***

Các Hội thẩm nhân dân: ***1. Ông Nguyễn Văn Vỹ***

2. Bà Đào Kim Chi

Th- ký phiên toà: ***Ông Nguyễn Ngọc Quang*** *- Th- ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai.*

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai: ***Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh*** *- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.*

Ngày 22/ 07/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 257/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2024 về việc tranh chấp: Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXX-ST ngày 10/07/2024 giữa các đ- ơng sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Hán Thị Mai H** - sinh năm: 1974;

*** Bị đơn:** Ông **Phạm Quốc D** - sinh năm: 1964;

Cùng HKTT: Số X, phường Y, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Cùng trú tại: Số nhà X phố Y, phường V, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

(*Có mặt, Bà H, có mặt ông D*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án của nguyên đơn là bà Hán Thị Mai H trình bày:

Về tình cảm: Bà H, ông D tự nguyện kết hôn đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 2001. Đây là lần kết hôn đầu tiên của bà. Sau khi kết hôn đến nay ông bà sống ở Số nhà X phố Y, phường V, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đỉnh điểm từ năm 2004 thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, Bà H phát hiện ông D sử dụng ma túy mặc dù đã nhiều lần hứa bỏ, vì chuyện này mà ông bà hay cãi vã, mâu thuẫn xảy ra ông bà đã ngồi nói chuyện với nhau rất nhiều lần để tìm hướng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nhiều lần ông D xô xát nhục mạ Bà H có sự chứng kiến của con các con. Do không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, cả hai không dành sự quan tâm chia sẻ cho nhau trong suốt quá trình chung sống.Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên Bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H, ông D có 02 con chung là cháu Phạm Tú U - sinh ngày 29/12/1996, cháu Phạm Lan A - sinh ngày 01/10/2007. Ly hôn, nguyện vọng của bà H là trực tiếp nuôi cháu Phạm Lan A. Do cháu Phạm Tú U đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của cháu, bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải tại tòa án ông Phạm Quốc D trình bày:

Về tình cảm: Ông D xác nhận lời trình bày của Bà H là đúng về thời gian và điều kiện kết hôn.

Ông bà tự nguyện kết hôn đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 2001 đây là lần kết hôn đầu tiên của ông. Sau khi kết hôn đến nay ông bà sống ở : Số nhà X phố Y, phường V, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Năm 2003 ông bà thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, bà H phát hiện ông D sử dụng ma túy

mặc dù đã nhiều lần ông hứa bỏ, vì chuyện này mà chúng tôi cãi vã, sau đó ông D đã chủ động xin lỗi vợ, mâu thuẫn xảy ra ông bà đã ngồi nói chuyện với nhau rất nhiều lần để tìm hướng khắc phục nhưng không có kết quả. Do không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, cả hai không dành sự quan tâm chia sẻ cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Nay Bà H quyết tâm ly hôn ông D cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông D, Bà H có 02 con chung là cháu Phạm Tú U - sinh ngày 29/12/1996, cháu Phạm Lan A - sinh ngày 01/10/2007. Ly hôn, ông D đồng ý Bà H là trực tiếp nuôi cháu Phạm Lan A. Do cháu Phạm Tú U đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của cháu, việc cấp dưỡng nuôi con chung ông bà tự thỏa thuận.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi đồng ý để Bà H nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, Bà H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, ông D đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có ý kiến: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.Việc thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên toà đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 243 đến điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử đúng thời hạn luật định.

Sau khi phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, nêu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Căn cứ điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2015.*

- *Căn cứ khoản 1điều 28; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.*

- *Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội.*

- *Về Tình cảm:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Hán Thị Mai H, ông Phạm Quốc D.

- *Về Con chung:* Xác nhận ông D, Bà H có 02 con chung là cháu Phạm Tú U - sinh ngày 29/12/1996, cháu Phạm Lan A - sinh ngày 01/10/2007. Ly hôn, giao cháu Phạm Lan A cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do cháu Phạm Tú U đã trên

18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của cháu, Bà H không yêu cầu ông D đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xét.

Ông D đ- ợc quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai đ- ợc ngăn cản.

- *Về Tài sản chung:* Bà H, ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- *Về Nợ chung:* Bà H, ông D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- *Án phí*: Bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhận định:

- Về thủ tục: Ngày 16/04/2024 Toà án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Hán Thị Mai H, ông Phạm Quốc D theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về tình cảm: Bà Hán Thị Mai H, ông Phạm Quốc D có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn đến nay ông bà sống ở : Số nhà X phố Y, phường V, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đến nay. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo Bà H cho biết là do bất đồng quan điểm sống và ông D sử dụng ma túy, mặc dù đã nhiều lần ông D từ bỏ nhưng không bỏ được, vì chuyện này mà ông bà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn xảy ra ông bà đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau để tìm hướng khắc phục nhưng không có kết quả. Nhiều lần ông D xô xát nhục mạ Bà H có sự chứng kiến của các con. Do không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không còn dành sự quan tâm chia sẻ cho nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, Bà H có nguyện vọng xin ly hôn với ông Phạm Quốc D. Ông Phạm Quốc D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, con cần có đủ cả bố lẫn mẹ, nếu Bà H quyết tâm ly hôn ông D cũng đồng ý ly hôn.

HĐXX thấy rằng khi tình cảm không còn thì việc duy trì hôn nhân là không cần thiết bởi mức độ mâu thuẫn đã căng thẳng, việc đoàn tụ là rất khó, Bà H đã không còn lòng tin đối với ông D, ông bà đã nhiều lần ngồi với nhau để hòa giải nhưng không có kết quả và khi biết Bà H làm đơn ly hôn ông D mặc dù muốn hòa

giải đoàn tụ nhưng không tìm ra được giải pháp nào để hàn gắn, Bà H cương quyết ly hôn qua đó thể hiện Bà H không còn tình cảm, cũng không muốn hàn gắn hôn nhân, Bà H, ông D đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và Bà H đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H, tại phiên tòa ông D cũng đồng ý ly hôn Bà H. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông D, Bà H theo quy định tại điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung:Ông D, Bà H có 02 con chung là cháu Phạm Tú U - sinh ngày 29/12/1996, cháu Phạm Lan A - sinh ngày 01/10/2007. Khi giải quyết ly hôn, Bà H, ông D đã không thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung,

Tại phiên tòa ngày hôm nay Bà H, ông D thỏa thuận về việc nuôi con chung là Bà H là trực tiếp nuôi cháu Phạm Lan A.

Do cháu Phạm Tú U đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông D đ- ợc quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Bà H, ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H, ông D không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Quốc D, bà Hán Thị Mai H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

- Căn cứ điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ khoản 1điều 28; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

- Căn cứ điều 143; 147; 177, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hán Thị Mai H, ông Phạm Quốc D.

2. Về con chung: Xác nhận cháu Phạm Tú U - sinh ngày 29/12/1996, cháu Phạm Lan A - sinh ngày 01/10/2007 là con chung của ông D và Bà H.

Ly hôn, giao cháu Phạm Lan A cho Bà H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định khác thay thế. Do cháu Phạm Tú U đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xét.

Ông D đ- ợc quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai đ- ợc ngăn cản.

3. Tài sản chung*:* Ông D, Bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Nợ chung: Ông D, Bà H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Hán Thị Mai H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (Đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0011420 ngày 16/04/2024 của chi cục thi hành án quận Hoàng Mai)

(□n xử công khai sơ thẩm có mặt ông D, có mặt bà H)

Ông D, bà H đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Hoàng Mai.
- Đ- ơng sự.
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Quách Mạnh Thành